

Số: 205/BC-TTYT

Lục Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc công khai tài sản công và tình hình quản lý, sử dụng tài sản công 06 tháng đầu năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên báo cáo công khai và tình hình quản lý, sử dụng tài sản công 06 tháng đầu năm 2025 của đơn vị cụ thể như sau:

I. Báo cáo công khai tài sản công 06 tháng đầu năm 2025 Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên đã thực hiện báo cáo kê khai đối với tài sản công tại từng thời điểm phát sinh, công khai biểu mẫu theo đúng quy định.

Các biểu mẫu công khai kèm theo, gồm có:

Biểu 09a-CK-TSC: Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công.

Biểu 09b-CK-TSC: Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Biểu 09c-CK-TSC: Công khai tình hình quản lý, sử dụng ô tô công và tài sản cố định khác công.

Biểu 09đ-CK-TSC: Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản.

Biểu 09d-CK-TSC: Công khai tình hình xử lý tài sản công.

II. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản công 06 tháng đầu năm 2025 Thực trạng

1.1 Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công

Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên đã ban hành Quy chế mua sắm, sử dụng quản lý, sửa chữa tài sản, trang thiết bị tại trung tâm (*Quyết định số 55/QĐ-TTYT ngày 28/02/2020 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lục Yên về việc ban hành Quy chế mua sắm, sử dụng quản lý, sửa chữa tài sản, trang thiết bị tại Trung tâm Y tế huyện Lục Yên*). Đã thông qua toàn thể cán bộ, nhân viên đơn vị và thực hiện công khai theo quy định, được thực hiện qua các năm, nhằm đề cao tính trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể khi tham gia sử dụng tài sản.

Đơn vị đang thực hiện xây dựng lại quy chế mua sắm, sử dụng và quản lý, sửa chữa tài sản, thiết bị cho phù hợp với tình hình mới sau thời điểm sáp nhập.

Tài sản cố định được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị và cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản nhà nước theo quy định.

Triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài sản hợp lý.

Hàng năm đều thực hiện việc kiểm định, đánh giá chất lượng kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng, đối với thiết bị y tế thuộc diện phải đánh giá, kiểm tra an toàn bức xạ theo quy định.

Các thiết bị y tế trước khi đưa vào sử dụng đều được kiểm tra chạy thử, có đủ điều kiện về nhân lực,...vv.

Đơn vị đã ban hành Quy chế mua sắm, sử dụng quản lý, sửa chữa tài sản, trang thiết bị tại Trung tâm

1.2 Về việc tổ chức kiểm kê tài sản cuối năm

Từ đầu năm đến nay năm đa số các trang thiết bị cần thiết đều được bảo trì, bảo dưỡng nhằm đạt được hiệu quả thường xuyên tốt nhất khi phục vụ cho công tác chuyên môn tại đơn vị.

Cuối năm sẽ tiến hành kiểm kê tài sản tại tất cả bộ phận khoa, phòng vào sổ kiểm kê tài sản và tiến hành thu hồi, thanh lý một số tài sản có giá trị nhỏ đã hỏng, hết giá trị sử dụng theo quy định.

Dự kiến trong Quý 3/2025 đơn vị sẽ tiến hành thực hiện thanh lý 01 gói tài sản, thiết bị cũ hỏng, hết khấu hao không còn sử dụng được theo quy định.

1.3 Về việc sắp xếp, xử lý nhà, đất sau sáp nhập

Trung tâm đã hoàn thành việc kiểm tra, rà soát và thống kê toàn bộ trụ sở, tài sản công thuộc phạm vi quản lý. Hiện tại, hệ thống cơ sở vật chất của đơn vị bao gồm: trụ sở chính của Trung tâm, 23 điểm trạm Y tế trực thuộc 06 xã và 01 Phòng khám đa khoa khu vực Khánh Hòa đều đang được sử dụng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

Đơn vị không có trụ sở hoặc tài sản công nào dôi dư, không sử dụng, hoặc thuộc diện cần điều chuyển, sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý.

1.4 Kết quả cập nhật dữ liệu về tài sản vào phần mềm quản lý tài sản công của Bộ Tài chính

Đơn vị đã cập nhật dữ liệu vào Mẫu số 01-BB/TSCĐ: Biên bản kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đây dữ liệu lên cổng thành công vào ngày 01/01/2025.

Các tài sản phát sinh 06 tháng đầu năm 2025 vẫn được tiếp tục cập nhật trên phần mềm Quản lý tài sản Misa.

1.5 Về việc hạch toán tài sản đơn vị

Công tác quản lý tài sản được gắn với công tác lập, chấp hành dự toán ngân sách Nhà nước, đảm bảo phù hợp với quá trình sửa chữa bảo dưỡng, sử dụng tài sản theo đúng mục đích, trên tinh thần tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả; đồng thời, thực hiện công khai, kiểm kê và trích hao mòn tài sản theo quy định.

Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo các quy định của nhà nước. Tài sản sau khi mua được sử dụng đúng công năng, hiệu suất đạt hiệu quả cao.

Đơn vị đã xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế đối với xe ô tô sử dụng kinh phí từ Ngân sách sách Nhà nước (Công văn số 732/SGTVT-QLVT, PT & NL của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái ngày 27/5/2022 về việc xác định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế đối với xe ô tô sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và Quyết định số 195/QĐ-TTYYT của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lục Yên ngày 30/5/2022 về việc định mức tiêu hao nhiên liệu xe ô tô.

Sở Giao thông vận tải đã xác định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế đối với 03 ô tô của Trung tâm Y tế như sau:

TT	Nhãn hiệu	Số loại	Năm sx	Thể tích làm việc Cm3	Số chỗ	Nhiên liệu	Nhiên liệu theo thiết kế lít/100 km
1	TOYOTA	HIACE	2021	2694	8	Xăng	12,5
2	IVECO	DAILY	2022	2998	9	Diesel	9,5
3	TOYOTA	LANDCRUI	2012	3956	9	Xăng	14

Năm 2022 đơn vị đã trình Sở Tài chính tỉnh Yên Bái và Sở Y tế tỉnh Yên Bái xin xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản ô tô cứu thương và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với 01 xe mới:

+ Xe ô tô cứu thương, nhãn hiệu IVECO, số loại DAILY M2-33NE5/A, biển kiểm soát 21A-004.00 có giá trị tài sản là: 1.200.000.000 đồng.

Đơn vị đã tiếp nhận bàn giao và hoàn tất thủ tục thuế trước bạ, đăng ký và đăng kiểm xe.

2. Đánh giá ưu điểm, nhược điểm

*** Ưu điểm:**

- Bảo quản và sử dụng hiệu quả các tài sản công, công cụ, dụng cụ văn phòng đã được trang bị như điều hòa, tủ lạnh, máy tính, tủ, bàn làm việc...vv.
- Hiện nay đơn vị đang theo dõi và cập nhật tài sản trên phần mềm Quản lý tài sản Misa và thực hiện theo dõi thanh quyết toán trên phần mềm Kế toán Misa Mimosa.
- Việc theo dõi qua hệ thống phần mềm mang tính chính xác và nhanh chóng trong quá trình tìm kiếm và quản lý sẽ giảm tải được thời gian làm việc.

*** Hạn chế, nguyên nhân:**

- Nhiều trang thiết bị tài sản phục vụ công tác khám và điều trị bệnh nhân đã cũ cần được thay thế cần nhiều chi phí nhưng kinh phí còn hạn chế.
- Một số cơ sở hạ tầng nhà trạm Y tế xã đến hiện tại vẫn chưa có hồ sơ hoàn công và các chứng từ khác liên quan hoặc có chứng từ liên quan nhưng không có giá trị tiền.
- Một số các trang thiết bị được cấp thuộc các trạm y tế xã chưa có chứng từ thể hiện giá trị tiền.

Hiện tại đơn vị không có căn cứ và cơ sở để ghi nhận tài sản, đơn vị không có căn cứ để cập nhập lên phần mềm quản lý tài sản và phần mềm Tổng kiểm kê

rải sản công để theo dõi.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất

Cần có đủ hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công của các cơ sở hạ tầng và chứng từ về trang thiết bị có giá trị tiền để đơn vị có cơ sở nhập dữ liệu quản lý, theo dõi.

Đối với những tài sản lớn không có nguyên giá đề nghị cơ quan có đủ chức năng và thẩm quyền thẩm định đánh giá lại tài sản để có cơ sở ghi sổ kế toán quản lý cho đúng, đầy đủ.

Tiếp tục hỗ trợ các hạng mục trang thiết bị tài sản lớn và cơ sở hạ tầng mà đơn vị không đủ sức đầu tư mua sắm nhằm tạo môi trường y tế đảm bảo phù hợp với sự phát triển của kinh tế xã hội trên địa bàn.

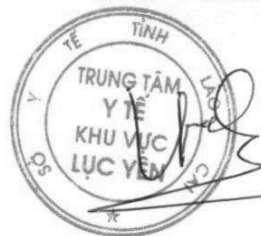
2. Kiến nghị: Không có.

Trên đây là công khai tài sản công và tình hình quản lý, sử dụng tài sản công 06 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên ./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC



Trần Trung Thành

Bộ, tỉnh: Tỉnh Lào Cai

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung Tâm Y Tế khu vực Lục Yên

Mã đơn vị: 1120111

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua/sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						365.042						
4	Tài sản cố định khác						365.042						
	Bàn hội trường - gỗ sồi KT 2,2m*1,4m	Chiếc	1			2025	11.500	Mua sắm	Nguồn KCB				
	Bộ Máy tính để bàn Đồng Nam Á - màn hình sam sung	Cái	1	Sam Sung		2025	10.000	Mua sắm	Nguồn PCB lũ				
	Cầu thang tập đi chữ L - PN25.0	Cái	1	PN25.0	Việt Nam	2024	14.500	Chi định thầu					
	Điều hòa Daikin FTF25XAV1V	Chiếc	1	ASIA - Daikin FTF25XAV1 V	Việt Nam	2024	11.200	Đấu thầu					
	Điều hòa Daikin FTF25XAV1V	Chiếc	1	ASIA - Daikin FTF25XAV1 V	Việt Nam	2024	11.200	Đấu thầu					
	Điều hòa Daikin FTF25XAV1V	Chiếc	1	ASIA - Daikin FTF25XAV1 V	Việt Nam	2024	11.200	Đấu thầu					
	Điều hòa Daikin FTF25XAV1V	Chiếc	1	ASIA - Daikin FTF25XAV1 V	Việt Nam	2024	11.200	Đấu thầu					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuế (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuế	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Điều hòa Daikin FTF25XAV1V	Chiếc	1	ASIA - Daikin FTF25XAV1V	Việt Nam	2024	11.200	Đấu thầu					
	Hệ thống Camera an ninh mạng	Chiếc	1	AIGO	Trung Quốc	2025	88.530	Chỉ định thầu					
	Máy điều hòa treo tường Gree BD12CN_12000BTU	Chiếc	1	Gree BD12CN	Trung Quốc	2025	10.500	Chỉ định thầu					
	Máy điều hòa treo tường Gree BD12CN_12000BTU	Chiếc	1	Gree BD12CN	Trung Quốc	2025	10.500	Chỉ định thầu					
	Máy quétets Scan Brother ADS-4300N	Cái	1	ADS-4300N	Trung Quốc	2024	14.300						
	Máy theo dõi bệnh nhân - X12 (monitor 5 thông số)	Cái	1	X12	Trung Quốc	2024	48.300	Chỉ định thầu					
	Máy tính để Aigo - PC bảo Yagi	Cái	1	Aigo	Trung Quốc	2025	10.000	Mua sắm	Nguồn PCB lữ				
	Máy tính để bàn - PCB lữ	Cái	1	Sam Sung		2025	10.000	Mua sắm	Nguồn PCB lữ				
	Máy tính để bàn - Sam Sung	Cái	1	Sam Sung		2025	10.000	Mua sắm	Nguồn PCB lữ				
	Máy tính sách tay DEL Latitude 5420	Cái	1	Sam Sung		2025	12.450	Mua sắm					
	Máy tính SingPC i3123.3SB780S0-W	Cái	1	SingPC i3123.3SB780S0-W	Việt Nam	2024	13.500	Đấu thầu					
	Máy tính xách tay HP 15s-fq5228 TU 8U240PA - Đàng	Cái	1	HP	Trung Quốc	2024	12.300	Đấu thầu					
	Máy tính xách tay HP 15s-fq5228 TU 8U240PA - Đàng	Cái	1	HP	Trung Quốc	2024	12.300	Đấu thầu					
	Máy vi tính - HIK VISION	Cái	1	HIK VISION	Việt Nam	2025	10.000	Mua sắm	Nguồn PCB lữ				
	Máy vi tính HSKY	Cái	1	HUSKY	Việt Nam	2025	10.362	Mua sắm	Nguồn PCB lữ				
II	Tài sản giao mới						3.327.433						
4	Tài sản cố định khác						3.327.433						
	Máy thu hình (Ti vi) Model: 50BU8000, SN: 01A23NHW3001621	Cái	1		Việt Nam	2023	12.300		Dự án SYT cấp				

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)			Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2023	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024</								

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)			Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính Sing PC	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính SingPC - DA	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính SingPC - DA	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính SingPC - DA	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính SingPC - DA	Cái	1	Sing PC	Việt Nam	2024	13.400		Dự án SYT cấp					
	Máy tính xách tay Dell Vostro 35530	Cái	1	DELL	Việt Nam	2025	12.300		Dự án SYT cấp					
	Máy xét nghiệm điện giải - XI-921C	Cái	1	XI-921C	Trung Quốc	2024	47.000		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Lục					
	Máy xét nghiệm đông máu tự động - RAC-120	Cái	1	RAC-120	Trung Quốc	2024	247.737		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Lục					
	Máy xét nghiệm nước tiểu - UC-280A	Cái	1	UC-280A	Trung Quốc	2024	25.521		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Lục					
	Tủ lạnh HBC-80	Chiếc	1	HBC-80		2024	25.518		Dự án SYT cấp					
	Tủ lạnh HBC-80	Chiếc	1	HBC-80		2024	25.518		Dự án SYT cấp					
	Tổng cộng						3.692.475							

Ngày 07 tháng 7 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sứ

Nguyễn Thị Sứ



Trần Trung Thành

Bộ, tỉnh: Tỉnh Lào Cai

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung Tâm Y Tế khu vực Lục Yên

Mã đơn vị: 1120111

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất						Công khai về nhà														Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá (Nghìn đồng)	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
A	Nhà																					
I	Nhà TTYT																					
1	Nhà PK đa khoa (C3) - (Nhà Khoa khám bệnh HC)										2.140	558.140	-			1.070					Đang sử dụng	
2	Nhà bệnh viện Ngoại sản (C3) - (khoa Ngoại - LCK) - Nhà cấp III										782	1.018.788	-			391					Đang sử dụng	
3	Nhà bệnh viện Nội nhi (C3) - (nhà khoa Nội + HSCC-nhi)										660	503.442	-			330					Đang sử dụng	
4	Nhà điều trị (03 tầng) - Nhà cấp III										1.830	11.514.702	#####			610					Đang sử dụng	
5	Dãy nhà làm việc - (Nhà khoa CSSKSS) - Nhà cấp IV										462	500.000	-			231					Đang sử dụng	
6	Nhà khoa tuyến nhiệm (khoa lây - Nội) - Nhà cấp IV										174	109.200	-			174					Đang sử dụng	
7	Nhà đại thể (tang lễ) - Nhà cấp IV										126	54.000	-			126					Đang sử dụng	

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo số kê toán		Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	Nguyên giá (Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Không kinh doanh		Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
8											290	961.449	-		290						Đang sử dụng		
9											414,72	2.037.637	-		207,36						Đang sử dụng		
10											150,9	1.562.123	728.574		150,9						Đang sử dụng		
11											280				280						Đang sử dụng - chưa có hồ sơ hoàn công về xác định giá		
12											400				200						Đang sử dụng - chưa có hồ sơ hoàn công về xác định giá		
13											500	42.057	8.472		500						Đang sử dụng		
II																							
1											744	3.100.000	2.480.000		372						Đang sử dụng		
2											406	3.633.817	2.470.996		406						Đang sử dụng		
3											772	2.819.700	1.917.396		386						Đang sử dụng		
4											812	2.470.819	1.680.157		406						Đang sử dụng		
5											812	2.241.000	1.523.880		406						Đang sử dụng		
6											826		0	0	413						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))									
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Trụ sở làm việc				Không kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác					
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
7											318	0	0		318						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
8											713	0	0		356,5						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
9											150	0	0		150						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
10											320	0	0		320						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
11											880	0	0		880						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
12											162	0	0		162						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
13											360	0	0		180						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
14											295,1	0	0		295,1						Đang sử dụng - năng cấp cải tạo, Không có HS hoàn công không XD được giá		
15											195	0	0		195						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công không XD được giá		
16											432	0	0		216						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		
17											261,4	0	0		261,4						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá		

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))					Sử dụng khác			
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Nguyên giá (Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết														
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
18		Nhà trạm Y tế xã Trúc Lầu - Nhà cấp IV										390				390						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
19		Nhà trạm Y tế xã Tân Lập - Nhà cấp IV										80	0			80						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
20		Nhà trạm Y tế xã Tân Lập - Nhà cấp IV										120	0			120						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
21		Nhà trạm Y tế xã Khai Trung - Nhà cấp IV										352	0		0	352						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
22		Nhà trạm Y tế xã Khai Trung - Nhà cấp IV										130	0			130						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
23		Nhà trạm Y tế xã Minh Xuân - Nhà cấp IV										450	0		0	450						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
24		Nhà trạm Y tế xã Yên Thắng - Nhà cấp III										800	0		0	400						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
25		Nhà trạm Y tế xã Tân Phương - Nhà cấp IV										246	0		0	246						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
26		Nhà trạm Y tế xã Minh Chuẩn - Nhà cấp IV										154	0		0	154						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	
27		Nhà trạm Y tế xã Mường Lai - Nhà cấp III										552	0		0	276						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất						Công khai về nhà												Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo số kê toán	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))									
				Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				Sử dụng khác	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
28	Nhà trạm Y tế xã Mường Lai - Nhà cấp IV										80				80						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá
29	Nhà trạm Y tế xã Động Quan - Nhà cấp IV										453	0		0	453						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá
30	Nhà Phòng khám ĐKKV Khánh Hòa - cũ										392	3.405.833	1.634.800		196						Đang sử dụng
31	Nhà Phòng khám ĐKKV Khánh Hòa - mới - nhà cấp III										388	0		0	194						Đang sử dụng - Không có HS hoàn công KXD được giá
B	Đất																				
I/	TRUNG TÂM Y TẾ																				
1	Quyền sử dụng đất - Trung tâm Y tế huyện	10.561,0	1.584.150		10.561,0																GCN số: 0383 ngày 20/7/1999
2	Cơ sở Methadone - Thuờ số 5 - tờ bản đồ số 76 (448500-8 (13))	5.250,7	6.300.840		5.250,7																GCN: CT02087 ngày 20/11/2019
II/	TRAM Y TẾ XÃ THỊ TRẤN																				
I	Đất Trạm Y tế xã Trung Tâm , địa chỉ: Thôn Sải Lớn, xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên	756	109.620		756																GCNQSDĐ số 01304 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 756 m²

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))					Sử dụng khác				
					Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết			Sử dụng khác	Nguyên giá (Nghìn đồng)	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
2		Đất Trạm Y tế xã Minh Tiến, địa chỉ: Thôn Trang, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.352,2	162.264		1.352,2																Có Thông báo chưa cấp sổ: số 63/BC-UBND xã Minh Tiến ngày 11/12/2024. Diện tích đất SD: 1.352,2 m²	
3		Đất Trạm Y tế xã Phúc Lợi, địa chỉ: Thôn 3 Túc, xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	900	108.000		900																Giấy cấp đất số: 17 ngày 22/9/1994. Diện tích đất SD: 900 m²	
4		Đất Trạm Y tế xã Phan Thanh, địa chỉ: Thôn Rầu Chang, xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.199	263.880		2.199																GCNQSDĐ số 929008 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 2.199 m²	
5		Đất Trạm Y tế xã Mai Sơn, địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.910	229.200		1.910																GCNQSDĐ số 01349 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.910 m²	
6		Đất Trạm Y tế Thị trấn Yên Thế, địa chỉ: Tổ 2, TT Yên Thế, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.568,8	7.398.144		2.568,8																BC số 149/BC-UBND ngày 13/12/2024 về Hiện tại vẫn chưa cấp sổ. Diện tích đất SD: 2.568,8 m²	
7		Đất Trạm Y tế xã Khánh Thiện, địa chỉ: Thôn Tông Mộ, xã Khánh Thiện, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.710	205.200		1.710																GCNQSDĐ số 01346 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.710 m²	
8		Đất Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc, địa chỉ: Thôn Yên Thịnh, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.570	372.650		2.570																Báo cáo số 175/BC-UBND ngày 12/12/2024 của UBND xã Vĩnh Lạc v/v chưa cấp sổ.	

Page 6

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))										
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp									
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
9	Đất Trạm Y tế xã Tân Lĩnh, địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.292,0	1.054.320		2.292,0																BC số: 32/BC-UBND về Báo cáo vị trí- đất đai Trạm y tế xã Tân Lĩnh ngày 24/6/2015. Diện tích 2.292,0 m ²	
10	Đất Trạm Y tế xã Tô Mậu, địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	980	117.600		980																GCNQSDĐ số 01305 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 980 m ² + QĐ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	
11	Đất Trạm Y tế xã An Lạc, địa chỉ: Thôn Làng Hốc, xã An Lạc, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.081	129.720		1.081																GCNQSDĐ số 01310 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.081 m ²	
12	Đất Trạm Y tế xã Trúc Lâu, địa chỉ: Thôn Bán Chang, xã Trúc Lâu, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.594	191.280		1.594																Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 10/12/2024 của UBND xã Trúc Lâu v/v chưa cấp sổ. Diện tích đất SD: 1.594 m ²	
13	Đất Trạm Y tế xã Tân Lập, địa chỉ: Thôn Hạ Giang, xã Tân Lập, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.700	324.000		2.700																GCNQSDĐ số 01350 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 2.700 m ²	
14	Đất Trạm Y tế xã An Phú, địa chỉ: Thôn Mò Cao, xã An Phú, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	832	172.800		832																GCNQSDĐ số 088147 ngày 16 tháng 03 năm 1999 - Thuộc đất số 30. Diện tích đất SD: 720 m ²	
15	Đất Trạm Y tế xã Khai Trung, địa chỉ: Thôn Giáp Luồng, xã Khai Trung, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.902	348.240		2.902																Bản đồ địa chính số 591 ngày 22 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 2.902 m ²	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất						Công khai về nhà						Ghi chú							
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Giá trị theo sổ kế toán	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))										
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Năm sử dụng		Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Nguyên giá (Nghìn đồng)	Giá trị còn lại		Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết								Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
16	Đất Trại Y tế xã Liễu Đô, địa chỉ: Thôn Cây Mơ, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.757	189.000		1.757																GCNQSDĐ số 01347 ngày 18 tháng 01 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.757 m² (trong đó GCNQSDĐ số 01347 là 665 m², diện tích tăng thêm 1.092 m² chưa cấp số) + BC số 220/BC-UBND ngày 13/12/2024
17	Đất Trại Y tế xã Minh Xuân, địa chỉ: Thôn Xuân Yên, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.800	216.000		1.800																Hiện tại vẫn chưa cấp sổ đỏ. Diện tích đất SD: 1.800 m²
18	Đất Trại Y tế xã Yên Thắng, địa chỉ: Thôn Nà Khao, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.040	124.800		1.040																GCNQSDĐ số 01343 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.040 m²
19	Đất Trại Y tế xã Tân Phượng, địa chỉ: Thôn, xã Tân Phượng, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.580,5	189.660		1.580,5																Có Biên bản bàn giao hồ sơ đất đai cho Trạm Y tế xã Tân Phượng. Diện tích đất SD: 1.580,5
20	Đất Trại Y tế xã Minh Chuẩn, địa chỉ: Thôn 7, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	1.116	133.920		1.116																Bản đồ địa chính số 48/2004/ĐĐ-ĐC ngày 29/4/2004. Diện tích đất SD: 1.116 m² (trong đó:

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác					
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
21	Đất Trạm Y tế xã Lâm Thượng, địa chỉ: Thôn Hìn Lạn, xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên	3.321,0	398.520		3.321,0																Bản đồ địa chính số 606 B ngày 22 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 3.321 m ²	
22	Đất Trạm Y tế xã Mường Lai, địa chỉ: Thôn Hìn Lạn, xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên	1.992,0	239.040		1.992,0																GCNQSDĐ số 01345 sở ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 1.992 m ²	
23	Đất Trạm Y tế xã Động Quan, địa chỉ: Thôn 7, xã Động Quan, huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái	2.221,0	266.520		2.221,0																GCNQSDĐ số 854 ngày 28 tháng 11 năm 2001. Diện tích đất SD: 2.221 m ²	
24	Đất PK Đa khoa Khu vực Khánh Hòa, địa chỉ: Thôn Tát Diêu, xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	2.539,6	304.752		2.539,6																Có báo cáo chưa cấp sổ: số 160/BC-UBND xã khánh Hòa ngày 12/12/2024. Diện tích đất SD: 2.539,6 m ²	
	Tổng cộng:		21.134.120									36.532.708	22.577.212									

Ngày 07 tháng 7 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
TRUNG TÂM ĐỒNG DẦU
(Ký, họ tên và đóng dấu)
KHU VỰC
LỤC YÊN

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Sửu

Trần Trung Thành

Bộ, tỉnh: Tỉnh Lào Cai
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Lào Cai
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung Tâm Y Tế khu vực Lục Yên
Mã đơn vị: 1120111
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp



Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		3	3.741.243	1.281.243	2.460.000	2.224.131							
1	DAEWOO - BKS 21A - 004.00	Phòng tổ chức hành chính	1	1.200.000		1.200.000	959.880		x					
2	TOYOTA - BKS 21A - 003.98	Phòng tổ chức hành chính	1	1.260.000		1.260.000	1.007.874		x					
3	TOYOTA - BKS 21M - 000.26	Ban giám đốc bệnh viện	1	1.281.243	1.281.243		256.377		x					
II	Tài sản cố định khác		630	57.359.736	9.306.707	48.053.028	20.863.282							
1	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Mai Sơn	1	13.400		13.400	13.400		x					
2	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Tân Phượng	1	13.400		13.400	13.400		x					
3	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	13.400		13.400	13.400		x					
4	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	13.400		13.400	13.400		x					
5	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Động Quan	1	13.400		13.400	13.400		x					
6	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	13.400		13.400	13.400		x					
7	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Minh Chuẩn	1	13.400		13.400	13.400		x					
8	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	13.400		13.400	13.400		x					
9	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	13.400		13.400	13.400		x					
10	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	13.400		13.400	13.400		x					
11	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	13.400		13.400	13.400		x					
12	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã An Lạc	1	13.400		13.400	13.400		x					
13	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	13.400		13.400	13.400		x					
14	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	13.400		13.400	13.400		x					
15	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	13.400		13.400	13.400		x					
16	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	13.400		13.400	13.400		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
17	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Minh Tiến	1	13.400		13.400	13.400		x					
18	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã An Lạc	1	13.400		13.400	13.400		x					
19	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã An Lạc	1	15.000		15.000	3.000		x					
20	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã An Phú	1	15.000		15.000	3.000		x					
21	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	15.000		15.000	3.000		x					
22	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Minh Chuẩn	1	15.000		15.000	3.000		x					
23	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	15.000		15.000	3.000		x					
24	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	15.000		15.000	3.000		x					
25	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã An Lạc	1	15.000		15.000	3.000		x					
26	Máy tính để bàn - PCB lữ	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	10.000		10.000	10.000		x					
27	Máy tính để bàn - Sam Sung	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	10.000		10.000	10.000		x					
28	Máy tính để bàn Samsung	Phòng kế toán	1	12.000	12.000				x					
29	Máy tính để bàn Samsung	Phòng kế toán	1	12.000	12.000				x					
30	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	13.400		13.400	13.400		x					
31	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	13.400		13.400	13.400		x					
32	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	13.400		13.400	13.400		x					
33	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Mai Sơn	1	13.400		13.400	13.400		x					
34	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	13.400		13.400	13.400		x					
35	Máy tính để bàn Sing PC - Dự án	Trạm Y tế xã Tân Phượng	1	13.400		13.400	13.400		x					
36	Máy tính để bàn SingPC + màn hình	Khoa khám bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
37	Máy tính để bàn SingPC + màn hình	Khoa CLS - GP Bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
38	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	14.900	14.900		8.940		x					
39	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa khám bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
40	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa y học cổ truyền	1	14.900	14.900		8.940		x					
41	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	PKĐK KV Khánh Hòa	1	14.900	14.900		8.940		x					

STT	Đanh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
42	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
43	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế xã Mai Sơn	1	14.900	14.900		8.940		x					
44	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	14.900	14.900		8.940		x					
45	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	14.900	14.900		8.940		x					
46	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Phòng tổ chức hành chính	1	14.900	14.900		8.940		x					
47	Máy tính SingPC - DA	PKĐK KV Khánh Hòa	1	13.400		13.400	13.400		x					
48	Máy tính SingPC - DA	PKĐK KV Khánh Hòa	1	13.400		13.400	13.400		x					
49	Máy tính SingPC - DA	PKĐK KV Khánh Hòa	1	13.400		13.400	13.400		x					
50	Máy tính SingPC - DA	PKĐK KV Khánh Hòa	1	13.400		13.400	13.400		x					
51	Máy tính SingPC i3123.3SB7805S0-W	Phòng Dân số	1	13.500	13.500		13.500		x					
52	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế xã An Phú	1	14.900	14.900		8.940		x					
53	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	14.900	14.900		8.940		x					
54	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa CLS - GP Bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
55	Máy tính Sing PC i5 102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa khám bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
56	Máy tính để bàn Sunpacgen I215124-16S5W, màn hình AUSVC239H-J	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	14.040		14.040	11.232		x					
57	Máy tính để bàn- XQ3K-C86 - (dự án AHF)	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	11.059		11.059	8.847		x					
58	Máy tính để bàn:Dell Optiplex-3040	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	13.500		13.500	6.750		x					
59	Máy tính FPT ELEAD TKM 440 (Quỹ toán cầu)	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	13.085		13.085			x					
60	Máy tính sách tay	Phòng kế toán	1	34.650		34.650			x					
61	Máy tính sách tay DEL Latitude 5420	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	12.450		12.450	12.450		x					
62	Máy tính sách tay Hp 250G8	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	13.800		13.800	2.760		x					
63	Máy tính Sing PC	Trạm Y tế xã An Phú	1	13.400		13.400	13.400		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
64	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa y học cổ truyền	1	14.900	14.900		8.940		x					
65	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	14.900	14.900		8.940		x					
66	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Phòng Dân số	1	14.900	14.900		8.940		x					
67	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa vệ sinh an toàn thực phẩm	1	14.900	14.900		8.940		x					
68	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa khám bệnh	1	14.900	14.900		8.940		x					
69	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	14.900	14.900		8.940		x					
70	Máy tính Sing PCI i5102.9A5802S0 + màn hình Led	Khoa HSCC - Nhi	1	14.900	14.900		8.940		x					
71	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Minh Chuẩn	1	15.000		15.000	3.000		x					
72	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Tân Phương	1	15.000		15.000	3.000		x					
73	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Minh Tiến	1	15.000		15.000	3.000		x					
74	Máy tính xách tay	Phòng tổ chức hành chính	1	34.410		34.410			x					
75	Máy siêu âm đen trắng, 2 đầu dò: Ổ bụng, phần nông kèm máy in vidieo đen trắng và máy tính	PKĐK KV Khánh Hòa	1	440.303		440.303	165.114		x					
76	Máy siêu âm điều trị	Khoa y học cổ truyền	1	65.000		65.000	11.375		x					
77	Máy siêu âm Doppler màu (Máy siêu âm và phụ kiện).- E-CUBE8. An Lạc	Trạm Y tế xã An Lạc	1	795.675		795.675	795.675			x				
78	Máy siêu âm màu 4D, 4 đầu dò: ổ bụng, tim, phần nông, 4D, kèm máy tính	Khoa CLS - GP Bệnh	1	1.514.845		1.514.845	568.067			x				
79	Máy sinh hiển phẫu thuật	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	109.108	109.108					x				
80	Máy sinh hiển vi khám bệnh NIDEK SL-450	Khoa khám bệnh	1	50.400	50.400					x				
81	Máy siêu âm đen trắng	Khoa CLS - GP Bệnh	1	175.000	175.000					x				
82	Máy sinh hóa hoàn toàn tự động P500	Khoa CLS - GP Bệnh	1	740.000		740.000	18.500			x				
83	Máy soi đáy mắt	Khoa khám bệnh	1	12.600	12.600					x				
84	Máy tạo oxy	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	12.000		12.000	300			x				
85	Máy tạo oxy	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	2	24.000		24.000	600			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
86	Máy tạo Oxy 5 L-Oxyto	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	22.209		22.209	13.881			x				
87	Máy tạo Oxy 5 L-Oxyto	Trạm Y tế xã Mường Lai	1	22.209		22.209	13.881			x				
88	Máy tạo Oxy 5 L-Oxyto	PKĐK KV Khánh Hòa	1	22.209		22.209	13.881			x				
89	Máy soi cổ tử cung	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	50.974		50.974				x				
90	Máy siêu âm 2D Doppler màu	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	160.000	160.000		60.000			x				
91	Máy siêu âm + máy in	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	553.422		553.422	373.560			x				
92	Máy Scane DR-C255II	Phòng hành chính tổng hợp	1	15.250	15.250				x					
93	Máy phát điện 110KVA	Phòng tổ chức hành chính	1	445.000		445.000	166.875		x					
94	Máy phát điện dự phòng 50 KVA	Phòng tổ chức hành chính	1	460.100		460.100			x					
95	Máy phôtô tô copy Xeox	Phòng hành chính tổng hợp	1	68.000	68.000				x					
96	Máy photocopy DocuCentre	Phòng hành chính tổng hợp	1	74.858	74.858				x					
97	Máy photocopy XEROX	Phòng tổ chức hành chính	1	69.500	69.500				x					
98	Máy phun chống dịch ULV	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	62.623		62.623	15.656			x				
99	Máy phun chống dịch ULV	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	62.623		62.623	15.656			x				
100	Máy phun sương ULV	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	18.500	18.500		11.563			x				
101	Máy phun sương ULV	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	18.500	18.500		11.563			x				
102	Máy quét Scan Brother ADS-4300N	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	14.300	14.300		14.300		x					
103	Máy rửa dạ dày	Khoa HSCC - Nhi	1	24.600		24.600	11.685			x				
104	Máy sắc thuốc 20 ấm - AYC-20A	Khoa y học cổ truyền	1	68.000		68.000	11.900			x				
105	Máy sấy công nghiệp DE-75 (Công suất 34Kg/m²)	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	478.740		478.740	179.527			x				
106	Máy sấy đồ vải 20 kg POWERLINE PDE 50	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	101.124	101.124					x				
107	Máy Scan Canon DR-C255	Phòng kế toán	1	15.250	15.250					x				
108	Máy tạo Oxy 5 L-Oxyto	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	22.209		22.209	13.881			x				
109	Máy tạo Oxy 5 lít	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	12.000		12.000	12.000			x				
110	Máy tạo Oxy 5 lít	Khoa ngoại - Liên chuyên	1	12.000		12.000	12.000			x				
111	Máy tạo oxy đi động	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	35.974		35.974	13.490			x				
112	Máy thu hình (Tivi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Minh Tiến	1	12.300		12.300	12.300		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
113	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Mường Lai	1	12.300		12.300	12.300		x						
114	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	12.300		12.300	12.300		x						
115	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Tân Phụng	1	12.300		12.300	12.300		x						
116	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	12.300		12.300	12.300		x						
117	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	12.300		12.300	12.300		x						
118	Máy thu hình (TíVi)	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	15.466		15.466	6.186		x						
119	Máy thu hình (TíVi)	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	15.466		15.466	6.186		x						
120	Máy thu hình (TíVi)	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	15.466		15.466	6.186		x						
121	Máy thu hình (Tívi)	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	15.466		15.466	6.186		x						
122	Máy thu hình (TíVi)	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	15.466		15.466	6.186		x						
123	Máy thu hình (Tí vi)	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	13.000	13.000				x						
124	Máy tính	Phòng kế hoạch nghiệp vụ	15	172.415		172.415			x						
125	Máy tính để Aigo - PC bảo Yagi	Trạm Y tế xã Minh Tiến	1	10.000		10.000	10.000		x						
126	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	15.000		15.000	3.000		x						
127	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Mai Sơn	1	12.300		12.300	12.300		x						
128	Máy tính để bàn	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	15.000		15.000	3.000		x						
129	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung - DA	Trạm Y tế xã Minh Chuẩn	1	12.300		12.300	12.300		x						
130	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung	Trạm Y tế xã Đông Quan	1	12.300		12.300	12.300		x						
131	Máy theo dõi bệnh nhân -	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	23.622		23.622	18.307		x						
132	Máy theo dõi bệnh nhân - CMS 8000	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	11.727		11.727	7.916			x					
133	Máy theo dõi bệnh nhân - X12 (monitor 5 thông số)	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	48.300	48.300		48.300			x					
134	Máy thở - Evita V300	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	672.000		672.000	453.600			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
135	Máy thở áp lực dương liên tục (CPAP)	Khoa HSCC - Nhi	1	114.000		114.000	54.150		x					
136	Máy thở áp lực dương liên tục (CPAP)	Khoa HSCC - Nhi	1	114.000		114.000	54.150		x					
137	Máy thở cho người lớn và trẻ em có máy nén khí PHILIPS V200	Khoa HSCC - Nhi	1	403.839	403.839		111.056		x					
138	Máy thở cho người lớn và trẻ em kèm máy nén khí	Khoa HSCC - Nhi	1	556.627		556.627	208.735		x					
139	Máy thở đi động - AEOMED	Khoa HSCC - Nhi	1	321.660		321.660	217.121		x					
140	Máy thở nhân tạo	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	259.350		259.350			x					
141	Máy thở xâm nhập	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	649.000		649.000	308.275		x					
142	Máy thở xâm nhập VFS-410 (phòng dịch Covid)	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	106.000		106.000	71.550		x					
143	Máy thở xâm nhập VFS-410 (phòng dịch Covid)	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	106.000		106.000	71.550		x					
144	Máy thở y tế - ACM812A	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	231.230		231.230	156.080		x					
145	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung	Trạm Y tế xã An Lạc	1	12.300		12.300	12.300		x					
146	Máy thu hình (Tí vi) - Sam Sung	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	12.300		12.300	12.300		x					
147	Máy tính xách tay	Phòng tổ chức hành chính	1	34.410		34.410			x					
148	Máy tính xách tay - Thinkpad Geii3 Core i5	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	32.473		32.473	19.484		x					
149	Máy phát điện	Phòng tổ chức hành chính	1	19.950	19.950				x					
150	Nồi hấp tiệt trùng 24 lít	Trạm Y tế xã Khai Trung	1	19.000	19.000		9.025		x					
151	Nồi hấp tiệt trùng 350 lít	Khoa được - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	422.400		422.400	63.360		x					
152	Nồi hấp tiệt trùng cửa trên, 50 lít	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	155.063		155.063	58.149		x					
153	Ôn áp lớn cho Labo	Khoa CLS - GP Bệnh	1	76.095		76.095	28.536							
154	Pano xây (Tại xã Liễu Đô)	Phòng Dân số	1	17.000		17.000			x					x
155	Phần mềm kết nối máy xét nghiệm	Phòng hành chính tổng hợp	1	98.600		98.600			x					
156	Nồi hấp kim và DC châm cứu	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	17.000		17.000	2.550		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
157	Phần mềm tích hợp quản lý mã vạch	Phòng hành chính tổng hợp	1	42.000		42.000			x					
158	Tăng âm kỹ thuật số 240W	Trạm Y tế xã Khai Trung	1	11.300	11.300		5.368		x					
159	Téc nước 50000 Lit	Phòng hành chính tổng hợp	1	12.600	12.600									x
160	Thiết bị Codec mini PC (Bộ giao ban trực tuyến)	Phòng tổ chức hành chính	1	13.200		13.200			x					
161	Thiết bị điều trị Tai mũi họng kèm ghế bệnh nhân, ghế bác sỹ	Khoa khám bệnh	1	930.486			348.932			x				
162	Thùng giữ nhiệt Cleddo 8l	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	14.406			5.402			x				
163	Thùng giữ nhiệt Cleddo 8l	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	14.406			5.402			x				
164	Sinh hiển vi khám mắt	Khoa khám bệnh	1	229.000			108.775			x				
165	Nồi hấp kim và DC châm cứu	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	19.000			2.850			x				
166	Nồi hấp kim và DC châm cứu	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	19.000			2.850			x				
167	Nồi hấp dụng cụ bằng điện	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	24.070			12.035			x				
168	MVT 2013.1	Phòng hành chính tổng hợp	1	10.800	10.800				x					
169	MVT II HIV	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	16.450					x					
170	Nâng cấp máy X-Quang	Khoa CLS - GP Bệnh	1	618.700			92.805			x				
171	Nhà chứa phân loại rác thải và hố đựng rác	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	163.400			81.700							x
172	Nhà chứa Tank oxy và nhà nhà chứa máy hút, máy nén	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	160.410			120.308		x					
173	Nồi đun sáp (Parafin)	Khoa y học cổ truyền	1	39.680			10.912			x				
174	Nồi hấp điện 20 lit	Trạm Y tế xã Trung Tâm	1	35.000			23.625			x				
175	Nồi hấp điện 35 lit	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	37.500			5.625			x				
176	Nồi hấp điện 35 lit	Trạm Y tế xã An Lạc	1	37.500			10.313			x				
177	Nồi hấp điện 50 lit	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	40.000			6.000			x				
178	Nồi hấp điện 50 lit	Trạm Y tế xã Mai Sơn	1	45.980			6.897			x				
179	Nồi hấp điện 50 lit	Trạm Y tế xã Trúc Lầu	1	43.500			6.525			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
180	Nồi hấp điện 50 lít	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	45.980		45.980	6.897			x				
181	Nồi hấp điện 50 lít	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	43.500		43.500	6.525			x				
182	Nồi hấp điện 50 lít	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	46.000		46.000	6.900			x				
183	Ti vi 4K 43 inch	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	13.000	13.000				x					
184	Ti vi LED SMART UL TRA HD 43" TCL 43A8	Trạm Y tế xã Mường Lai	1	13.000	13.000				x					
185	Ti vi Sony	Trạm Y tế xã Động Quan	1	12.000		12.000			x					
186	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Khoa CLS - GP Bệnh	1	147.969		147.969				x				
187	Tủ lạnh TCW80AC	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	74.374		74.374	37.187			x				
188	Tủ sát to đựng thuốc	Cơ sở điều trị Methadone	1	25.000		25.000				x				
189	Tủ sấy 3,5cuft (100 lít)	PKĐK KV Khánh Hòa	1	72.533		72.533	27.200			x				
190	Tủ sấy 60L SANYO MIR 162	Khoa CLS - GP Bệnh	1	59.607	59.607		16.392			x				
191	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Tân Phụng	1	20.000		20.000	3.000			x				
192	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Liễu Đỏ	1	20.000		20.000	3.000			x				
193	Tủ sấy điện	Trạm Y tế xã Động Quan	1	30.000		30.000	11.250			x				
194	Tủ sấy điện 120 lít	Khoa CLS - GP Bệnh	1	72.533		72.533	27.200			x				
195	Tủ sấy điện cỡ nhỏ	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	32.000		32.000	4.800			x				
196	Tủ sấy hiện số 35 lít	Trạm Y tế xã Khai Trung	1	29.000	29.000		13.775			x				
197	Tủ sấy:Model NIHOPHAWA-AS20	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	17.800		17.800	4.450			x				
198	Tủ xấy 35 lít	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	29.000	29.000		10.875			x				
199	Tủ xấy DHG- 9030A	Trạm Y tế xã Mường Lai	1	29.000	29.000		10.875			x				
200	TV 4K 43inch	Trạm Y tế xã Phan Thanh	1	13.000	13.000				x					
201	WebCam HD655W OneKing Conference (Bộ giao ban trực tuyến)	Phòng tổ chức hành chính	1	13.145		13.145			x					
202	Tủ lạnh TCW 3000	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	42.809		42.809			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
203	Monitor theo dõi bệnh nhân phòng mổ 6 thông số ECG/Resp, SpO2, NIBP, Temp, IBP, EtCO2 NIHON	Khoa ngoại - Liên chuyên khoa	1	303.043	303.043					x				
204	KOHDEN RSM-6501K Tủ lạnh HBC-80 kèm ôn áp - BE0G93EAS000EM7F0001	Trạm Y tế xã Yên Thắng	1	16.699		16.699	8.350			x				
205	Tủ lạnh HBC-80	Trạm Y tế xã Minh Chuẩn	1	25.518		25.518	25.518			x				
206	Tủ bảo quản mẫu	Khoa dược - Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	31.500	31.500		18.113			x				
207	Tủ bảo quản mẫu (đựng hóa chất) Model 100 - C01, SN -141	Khoa CLS - GP Bệnh	1	33.759			21.099			x				
208	Tủ bảo quản vắc sin HBC 80	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	16.699		16.699	8.350			x				
209	Tủ bảo quản vắc xin VLS 200	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	55.550		55.550			x					
210	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc	Trạm Y tế xã Lâm Thượng	1	32.000		32.000			x					
211	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (50 ô)	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	35.000					x					
212	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (50 ô)	Trạm Y tế xã Minh Xuân	1	35.000		35.000			x					
213	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (50 ô)	Khoa khám bệnh	1	35.000		35.000	5.250		x					
214	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (50 ô)	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	35.000		35.000			x					
215	Tủ đựng dụng cụ nội soi dạ dày	Khoa khám bệnh	1	23.600		23.600	6.490			x				
216	Tủ đựng thuốc đông y	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	15.764		15.764	2.365							
217	Tủ đựng thuốc đông y	Trạm Y tế xã Tân Lập	1	15.764		15.764	2.365		x					
218	Tủ đựng thuốc đông y	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	15.764		15.764	2.365		x					
219	Tủ đựng thuốc đông y	Trạm Y tế xã Minh Tiến	1	15.764		15.764	2.365		x					
220	Tủ đựng thuốc đông y	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	15.764		15.764	2.365		x					
221	Tủ lạnh HBC-80	Trạm Y tế xã Liễu Đô	1	25.518			25.518		x					
222	Máy tính xách tay	Trạm Y tế thị trấn Yên Thế	1	32.473			19.484		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
223	Monitor theo dõi bệnh nhân 4 thông số ECG/Resp, SpO2, NIBP, Temp NIHON KOHDEN BSM-6301K(2)	Khoa HSCC - Nhi	1	219.984	219.984				x	x				
224	Monitor sản khoa cho thai đối kèm xe đẩy	Khoa phụ sản và CSSKSS	1	132.915		132.915	49.843		x					
225	Máy vi tính	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	2	22.780	22.780				x					
226	Máy vi tính - HIK VISION	Trạm Y tế xã Khai Trung	1	10.000		10.000	10.000		x					
227	Máy vi tính (HIV)	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	11.050	11.050				x					
228	Máy vi tính 42 bộ	Phòng hành chính tổng hợp	1	490.560		490.560			x					
229	Máy vi tính để bàn	Khoa CLS - GP Bệnh	1	14.984		14.984	14.984		x					
230	Máy vi tính để bàn	Khoa HSCC - Nhi	1	14.984		14.984	14.984		x					
231	Máy vi tính	PKĐK KV Khánh Hòa	1	10.000	10.000				x					
232	Máy vi tính để bàn	Khoa khám bệnh	1	14.984		14.984	14.984		x					
233	Máy vi tính để bàn	Khoa y học cổ truyền	1	14.984		14.984	14.984		x					
234	Máy vi tính để bàn	Khoa nội - Truyền nhiễm	1	14.984		14.984	14.984		x					
235	Máy vi tính để bàn	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	14.984		14.984	5.994		x					
236	Máy vi tính để bàn	Khoa được - Kiểm soát nhiễm	1	14.984		14.984	14.984		x					
237	Máy vi tính để bàn	Phòng Dân số	1	14.984	14.984				x					
238	Máy vi tính để bàn	Trạm Y tế xã Tô Mậu	1	14.984		14.984	2.997		x					
239	Máy vi tính để bàn	Khoa ngoại - Liên chuyển	1	14.984		14.984	14.984		x					
240	Máy vi tính	Trạm Y tế xã Trúc Lâu	1	14.839		14.839	5.936		x					
241	Máy vi tính	Trạm Y tế xã Vĩnh Lạc	1	14.839		14.839	5.936		x					
242	Máy vi tính	PKĐK KV Khánh Hòa	1	11.000	11.000				x					
243	Máy tính xách tay Dell Vostro 35530	Trạm Y tế xã Phúc Lợi	1	12.300		12.300	12.300		x					
244	Máy tính xách tay Dell. Model: Latitude (Kèm chuột, túi đựng)	Khoa kiểm soát dịch bệnh	1	15.350		15.350	6.140		x					
245	Máy tính xách tay HP 14-DQ2055	Phòng kế hoạch nghiệp vụ	1	29.800		29.800			x					
246	Máy tính xách tay HP 14-DQ2055	Ban giám đốc bệnh viện	1	29.800		29.800			x					